

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Đó

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thắm.

Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyển là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng – kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2021/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64A/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Mai Thị N**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: 212A/4, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Đỗ Thanh P**, sinh năm: 1977

Địa chỉ: 212A/4, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N, anh P vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 11 năm 2021, bản tự khai ngày 28/11/2021, biên bản ghi lời khai ngày 18/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mai Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh P quen biết, tìm hiểu yêu thương và tự nguyện đăng ký hôn được UBND xã G, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/4/2003.

Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh P không quan tâm chăm lo cho gia đình mà có biểu hiện không chung thủy (thực tế như thế nào chị N khai như vậy chứ không có chứng cứ chứng minh). Nhiều lần chị N can ngăn nhưng anh P vẫn chứng nào tật ấy dẫn đến mâu thuẫn càng trầm trọng. Mặt

khác trong cuộc sống hằng ngày vợ chồng còn mâu thuẫn về kinh tế, anh P không có việc làm ổn định, thu nhập thấp dẫn đến mọi vấn đề chi tiêu trong gia đình đều do chị N chăm lo, mỗi lần chị N nhắc đến việc anh P phải tìm việc làm ổn định để có thu nhập phụ giúp gia đình thì anh P cho rằng chị N ích kỷ, chị N là người muốn tiền bạc nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung.

Từ năm 2018 vợ chồng sống ly thân đến nay, chị N đã về nhà cha mẹ ruột sống còn anh Phong và con chung vẫn sống tại nhà riêng của vợ chồng.

Trước Tòa án chị N xác định không còn tình cảm với anh P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Thanh P.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là cháu Đỗ Mai Thiên N, sinh ngày: 25/7/2004, khi ly hôn chị N đồng ý giao cháu Nhật cho anh P nuôi dưỡng, tạm thời chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ riêng: Không có

Bị đơn anh Đỗ Thanh P đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng anh P không chấp hành pháp luật, không đến Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh P đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32A/2022/QĐXX-ST vào ngày 29/4/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 64A/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2022, nhưng vẫn vắng mặt không lý do, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng xét xử vắng mặt anh P.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị N được ly hôn anh P.

Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Mai Thiên N, sinh ngày: 25/7/2004 cho anh Đỗ Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí:* Buộc chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; bị đơn anh P đang cư trú tại 212A/4, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

- Ngày 10/11/2021 Tòa án tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án 64/TB-TLVA ngày 05/11/2021 tại nhà anh Đỗ Thanh P, tại trụ sở UBND xã G, huyện T, tỉnh Đ và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T.

- Ngày 16/12/2021, Tòa án tiến hành niêm yết thông báo giao nộp chứng cứ số 09/TB-TA ngày 08/12/2021; giấy triệu tập số 01 ngày 09/12/2021; hồ sơ khởi đơn kiện ly hôn của nguyên đơn chị Mai Thị N (bản phô tô) tại nhà anh Đỗ Thanh P, tại trụ sở UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T.

- Ngày 18/03/2022, Tòa án tiến hành niêm yết thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 04/2022/TB-TA, thông báo cho anh Đỗ Thanh P biết phải có mặt tại Tòa án nhân dân huyện T vào lúc 14 giờ ngày 06/4/2022 để tham gia phiên họp và hòa giải cùng với nguyên đơn chị Mai Thị N, nhưng anh P vắng mặt.

- Ngày 08/4/2022, Tòa án tiến hành niêm yết thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo về phiên hòa giải lần 02 tại tại nhà anh Đỗ Thanh P, tại trụ sở UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T. Thông báo cho anh P biết phải có mặt tại Tòa án vào lúc 14 giờ ngày 28/4/2022 để tham gia hòa giải về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con cùng với nguyên đơn chị Mai Thị N, nhưng anh P vắng mặt.

- Ngày 29/4/2022 Tòa án tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32A/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2022 tại nhà anh Đỗ Thanh P, tại trụ sở UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T. Thông báo cho anh P biết phải có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T vào lúc 14 giờ ngày 13/5/2022 để tham dự phiên tòa, nhưng anh P vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

Ngày 29/4/2022, chị Mai Thị N nộp đơn xin xét xử vắng mặt.

Ngày 14/5/2022 Tòa án tiến hành niêm yết quyết định hoãn phiên tòa số 64A/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2022 tại nhà anh Đỗ Thanh P, tại trụ sở UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thông báo cho anh P biết thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 31/5/2022, anh P tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Đỗ Thanh P.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Mai Thị N và anh Đỗ Thanh P xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/4/2003, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị N khởi kiện xin ly hôn với anh P. Xét thời điểm hiện tại Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đang có hiệu lực thi hành, việc kết hôn giữa chị N và anh P cũng thỏa mãn điều kiện theo quy định tại điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ; về con chung và tài sản chung, nợ chung không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo lời khai của chị N qua các biên bản lấy lời khai: Hôn nhân của chị N và anh P không còn hạnh phúc do bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng sống chung nhưng thiếu sự tin tưởng, tôn trọng nhau, chị N nghi ngờ anh P sống không chung thủy, năm 2018 vợ chồng sống ly thân đến ngày hôm nay.

Anh P đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh không hợp tác đến Tòa án giải quyết vụ án. Do đó hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của chị N và biên bản xác minh ngày 17/3/2022 tại UBND xã G, huyện Thống làm căn cứ xem xét giải quyết vụ án.

Theo biên bản xác minh ngày 17/03/2022 địa phương cung cấp vợ chồng chị N, anh P kết hôn với nhau vào năm 2003, hiện anh P đang cư trú tại số nhà 212A/4, ấp Dốc Mơ 3, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, trong quá trình chung sống vợ chồng anh, chị có xảy ra mâu thuẫn, nhưng địa phương không nắm rõ được mâu thuẫn gì. Địa phương chỉ biết được hiện tại chị N và anh P không còn sống chung nhà với nhau khoảng 03 năm nay.

Trên cơ sở đó cho thấy hôn nhân giữa chị N và anh P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N cho chị được ly hôn với anh P.

[2.2]. *Về con chung*: Chị N và anh P có 01 con chung là cháu Đỗ Mai Thiên N, sinh ngày: 25/7/2004. Khi ly hôn chị N đồng ý giao con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời chị không cấp dưỡng nuôi con. Việc chị N giao cháu Nhật cho anh P nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đỗ Mai Thiên N muốn sống cùng với ba (anh P). Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử giao cháu Nhật cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: chị N không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4]. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9; Điều 11 luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị N về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” với anh Đỗ Thanh P.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Mai Thị N và anh Đỗ Thanh P.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cháu Đỗ Mai Thiên N, sinh ngày: 25/7/2004 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời chị N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mai Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003325 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. T;
- CC.THADS H. T;
- UBND xã G, H. T
(số 13, quyền số 01, ngày 28/4/2003);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Đó

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H. Thống Nhất;
- UBND P. Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Tp.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Quang Phúc

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, - tỉnh Đồng Nai.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Quang Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đặng Thị Thơm**

2. Bà Hà Thị Linh Thúy

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 200/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017, về “Xin ly hôn”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Thị Hồng Vương** - sinh năm: 1985

Địa chỉ: số 123/T, ấp Phúc Nhạc 2, xã Gia Tân 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* **Ông Lâm Quang Tuấn** - sinh năm: 1986

Địa chỉ: số 123/T, ấp Phúc Nhạc 2, xã Gia Tân 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trưng tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về điều luật áp dụng:

* *Ý kiến của HTND Thom:* Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 8; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

* *Ý kiến của HTND - Thúy:* Nhất trí với ý kiến của HTND - Thom.

* *Ý kiến của Thẩm phán - chủ tọa:* Về điều luật áp dụng, nhất trí với ý kiến của hai HTND.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung:

* *Ý kiến của HTND - Thúy:*

- Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Hồng Vương và ông Lâm Quang Tuấn được ly hôn .

- Về nuôi con chung:

+ Giao cháu Lâm Gia Hân - sinh ngày: 06/11/2011 cho bà Vương tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

+ Ông Lâm Quang Tuấn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải bù khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

+ Ông Tuấn được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Vương phải bù 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 002211 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai.

* *Ý kiến của HTND Thom*: Nhất trí với ý kiến của HTND - Thúy.

* *Ý kiến của Thẩm phán - chủ tọa*: Về nội dung, nhất trí với ý kiến của hai HTND.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA